TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 943/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 21 tháng 08 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 754/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: ấp BP, xã TMC, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: phường TX, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1997

Địa chỉ: phường TX, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: "Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Minh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TX, Quận 12 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1/1, quyển số 01/2015, cấp ngày 11/11/2015. Nay Ông N – bà S yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 05/04/2016. Bà S và Ông N thống nhất giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu S nuôi, ông N cấp dưỡng nuôi con 1.600.000 đồng/ tháng. Cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Thu S cùng chịu theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh N và Bà Nguyễn Thị Thu S thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số số 1/1, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân phường TX, Quận 12 cấp ngày 11 tháng 11 năm 2015 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 05/04/2016.

Giao con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Minh T cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con 1.600.000 đồng/ tháng. Cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Minh N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Thu S cùng chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba

trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0030381 ngày 14 tháng 07 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Thu S đã nộp đủ.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dânsự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND Q.12;
-CCTHADS Q.12;
-UBND nơi cấp GCN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Sang